

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ Đ- ỢC KIỂM TOÁN CỦA
CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN MANGAN**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

kèm theo

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Đ- ợc kiểm toán bởi:

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN HÀ NỘI

Số 03 Ngõ 1295 Đ- ờng Giải Phóng - Hoàng Mai - Hà Nội

Điện thoại: (04) 3 974 5081/82 Fax: (04) 3 974 5083

Hà Nội, tháng 03 năm 2015

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN MANGAN

Địa chỉ: Xóm 15 - Xã Phú Lộc - Huyện Can Lộc - Tỉnh Hà Tĩnh

Tel: 0392 213 526 - Fax: 0393 564 168

MỤC LỤC

<u>Nội dung</u>	Trang số
Báo cáo của Ban Giám đốc	02 - 03
Báo cáo kiểm toán độc lập	04 - 05
Bảng Cân đối kế toán tại ngày 31/12/2014	06 - 07
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2014	08
Báo cáo l- u chuyển tiền tệ năm 2014	09
Thuyết minh Báo cáo tài chính năm 2014	10 - 23
Phụ lục 01: Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình	24
Phụ lục 02: Tăng, giảm nguồn vốn chủ sở hữu	25

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC**1. Khái quát chung về Công ty Cổ phần Khoáng sản Mangan**

Công ty Cổ phần khoáng sản Mangan, gọi tắt là " Công ty", tiền thân là Xí nghiệp Mangan trực thuộc Tổng Công ty Khoáng sản và th-ơng mại Hà Tĩnh. Từ ngày 06/12/2005 Xí nghiệp khoáng sản Mangan đ-ợc chuyển thành Công ty cổ phần khoáng sản Mangan theo quyết định 1299/QĐ-UB-DN của UBND Tỉnh Hà Tĩnh và hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty cổ phần mã số doanh nghiệp số 3000376142 do sở kế hoạch và đ-ầu t-ĩnh Hà Tĩnh cấp lần đ-ầu ngày 26/03/2006 thay đổi lần thứ 2 ngày 30/07/2010, đăng ký thay đổi lần thứ 3 ngày 17/05/2013, đăng ký thay đổi lần 4 ngày 29 tháng 12 năm 2014. Theo đó:

Vốn điều lệ đăng ký của Công ty là: 31.600.000.000 đồng

(*Bằng chữ: Ba m-oi một tỷ, sáu trăm triệu đồng chẵn./.*)

Trong đó:

<i>Tên cổ đông sáng lập</i>	<i>Vốn góp (VND)</i>	<i>Tỷ lệ(%)</i>
Tổng công ty Khoáng sản và Th-ơng mại Hà Tĩnh	16,100,000,000	50.95%
Các cổ đông khác	15,500,000,000	49.05%
Cộng	31,600,000,000	100%

Mệnh giá cổ phần: 10.000 đồng

Ngành nghề sản xuất kinh doanh chính:

- Khai thác, chế biến, thu mua quặng Mangan;
- Kinh doanh mua, bán, chế biến sâu các loại sản phẩm từ quặng Mangan và sản phẩm đi kèm quặng Mangan, quặng Dôlômit, quặng sắt và phụ gia cho luyện thép;
- Sửa chữa, bảo d-ỡng, trung tu, đại tu các loại ph-ơng tiện vận tải đ-ờng bộ;
- Chăn nuôi trâu, bò;
- Sản xuất phân bón và hợp chất ni tơ;
- Bán buôn phân bón;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng.

Địa chỉ: Xóm 15 - Xã Phú Lộc - Huyện Can Lộc - Tỉnh Hà Tĩnh

Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc Công ty

Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong suốt năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng quản trị

- | | | |
|--------------------------|----------|--------------------------|
| - Ông Nguyễn Trọng Tuyên | Chủ tịch | Bổ nhiệm ngày 28/05/2013 |
| - Ông Hoàng Đại Lợi | Ủy viên | Bổ nhiệm ngày 28/05/2013 |
| - Ông Nguyễn Mạnh Tuấn | Ủy viên | Bổ nhiệm ngày 28/05/2013 |
| - Ông Phạm Viết Hào | Ủy viên | Bổ nhiệm ngày 28/05/2013 |
| - Bà Võ Thị Hoa | Ủy viên | Bổ nhiệm ngày 28/05/2013 |

Ban Giám đốc

- | | |
|-------------------|----------|
| Ông Hoàng Đại Lợi | Giám đốc |
|-------------------|----------|

2. Kiểm toán viên độc lập

Báo cáo tài chính năm 2014 của Công ty đ-ợc kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán Hà Nội (CPA HANOI)

3. Tại Báo cáo này Ban Giám đốc xin khẳng định những vấn đề sau đây:

- Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính một cách trung thực và hợp lý;
- Chúng tôi đã cung cấp toàn bộ các tài liệu kế toán cần thiết cho các kiểm toán viên và chịu trách nhiệm về tính trung thực của các tài liệu đã cung cấp;
- Báo cáo tài chính năm 2014 đã phản ánh trung thực về tình hình tài sản, công nợ và nguồn vốn chủ sở hữu của Công ty cũng nh- kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh và tình hình l- u chuyển tiền tệ của Công ty cho năm tài chính kết thúc cùng ngày.
- Báo cáo tài chính đ-ợc lập phù hợp với các Chính sách Kế toán đã đ-ợc trình bày trong Thuyết minh Báo cáo tài chính; phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các Quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.
- Kể từ ngày kết thúc kỳ hoạt động đến ngày lập Báo cáo tài chính, chúng tôi khẳng định rằng không phát sinh bất kỳ một sự kiện nào có thể ảnh h- ờng đáng kể đến các thông tin đã đ-ợc trình bày trong Báo cáo tài chính và ảnh h- ờng tới hoạt động của Công ty cho năm tài chính tiếp theo.
- Chúng tôi khẳng định rằng Công ty tiếp tục hoạt động và thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh của mình trong năm tài chính tiếp theo.

Đại diện:

Công ty Cổ phần Khoáng Sản Mangan

Giám đốc

Hoàng Đại Lợi

Hà Tĩnh , ngày 15 tháng 01 năm 2015

Số: /CPA HANOI - BCKT

Hà Nội ngày 25 tháng 03 năm 2015

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

*Về Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014
của Công ty Cổ phần khoáng sản Mangan*

Kính gửi:

**HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN MANGAN**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính năm 2014 của Công ty Cổ phần khoáng sản Mangan được lập ngày 15 tháng 01 năm 2015 gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản thuyết minh báo cáo tài chính được trình bày từ trang 06 đến trang 25 kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệ báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên:

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần khoáng sản Mangan tại ngày 31/12/2014, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kế thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Báo cáo kiểm toán được lập thành 06 bản tiếng Việt, các bản có giá trị pháp lý như nhau. Công ty Cổ phần khoáng sản Mangan giữ 05 bản, Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán Hà Nội giữ 01 bản.

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN HÀ NỘI

Tổng Giám đốc

Kiểm toán viên

Nguyễn Ngọc Tĩnh

Giấy CN ĐKHN Kiểm toán Số 0132-2013-16-1

Lê Văn Dò

Giấy CN ĐKHN Kiểm toán Số 0231-2013-16-1

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN MANGAN

Địa chỉ: Xóm 15 - Xã Phú Lộc - Huyện Can Lộc - Tỉnh Hà Tĩnh

Tel: 0392 213 526 - Fax: 0393 564 168

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính

Kết thúc ngày 31/12/2014

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị tính: Đồng

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1	2	3	4	5
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		22,064,458,724	30,814,652,757
I. Tiền và các khoản t-ong đ-ong tiền	110		339,902,311	65,577,833
1. Tiền	111	V.01	339,902,311	65,577,833
III. Các khoản phải thu	130		878,676,252	1,480,409,312
1. Phải thu khách hàng	131	V.02	1,376,987,598	1,784,920,458
2. Trả tr-ớc cho ng-ời bán	132	V.03	-	25,000,000
3. Các khoản phải thu khác	138	V.04	7,884,000	176,684,200
4. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi (*)	139	V.05	(506,195,346)	(506,195,346)
IV. Hàng tồn kho	140		20,842,380,161	28,203,247,390
1. Hàng tồn kho	141	V.06	22,346,264,501	28,203,247,390
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		(1,503,884,340)	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		3,500,000	1,065,418,222
1. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.07	3,500,000	1,065,418,222
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		10,494,250,098	11,007,431,234
II. Tài sản cố định	220		4,746,793,953	6,599,097,474
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.08	4,428,489,288	6,259,212,825
- Nguyên giá	222		15,834,013,324	24,526,143,479
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(11,405,524,036)	(18,266,930,654)
2. Tài sản cố định vô hình	227	V.09	318,304,665	339,884,649
- Nguyên giá	228		431,599,581	431,599,581
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(113,294,916)	(91,714,932)
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230		-	-
V. Tài sản dài hạn khác	260		5,747,456,145	4,408,333,760
1. Chi phí trả tr-ớc dài hạn	261	V.10	503,512,720	921,345,597
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	V.11	5,050,730,925	3,293,775,663
3. Tài sản dài hạn khác	268		193,212,500	193,212,500
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		32,558,708,822	41,822,083,991

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 25 là bộ phận hợp thành và cần đ-ợc đọc cùng Báo cáo tài chính)

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN MANGAN

Địa chỉ: Xóm 15 - Xã Phú Lộc - Huyện Can Lộc - Tỉnh Hà Tĩnh

Tel: 0392 213 526 - Fax: 0393 564 168

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính

Kết thúc ngày 31/12/2014

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

(Tiếp theo)

Đơn vị tính: Đồng

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1	2	3	4	5
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		10,276,573,104	13,310,743,254
I. Nợ ngắn hạn	310		10,276,573,104	13,310,743,254
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.12	6,671,307,835	6,002,927,158
2. Phải trả ng- ời bán	312	V.13	1,094,491,636	1,847,835,697
3. Ng- ời mua trả tiền tr- ớc	313		1,296,922,940	2,254,111,301
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà n- ớc	314	V.14	711,428,253	1,612,694,427
5. Phải trả công nhân viên	315		73,450,000	512,108,000
6. Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	V.15	372,718,852	1,012,169,083
7. Quỹ khen th- ờng, phúc lợi	323		56,253,588	68,897,588
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		22,282,135,718	28,511,340,737
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.16	22,282,135,718	28,511,340,737
1. Vốn đầu t- của chủ sở hữu	411		31,600,000,000	31,600,000,000
2. Thặng d- vốn cổ phần	412		7,037,527,899	7,037,527,899
3. Quỹ đầu t- phát triển	417		2,534,877,946	2,534,877,946
4. Lợi nhuận ch- a phân phối	420		(18,890,270,127)	(12,661,065,108)
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		32,558,708,822	41,822,083,991

Hà Tĩnh, ngày 15 tháng 01 năm 2015

Ng- ời lập biểu

Kế toán tr- ờng

Giám đốc

Trần Thị Nga

Nguyễn Đức Dũng

Hoàng Đại Lợi

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2014

Đơn vị tính: Đồng

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm tr- ớc
1	2	3	4	5
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.17	10,708,191,672	18,718,291,479
2. Các khoản giảm trừ	03	VI.18	1,118,894,647	1,406,199,887
3. Doanh thu thuần về BH và cung cấp DV	10	VI.19	9,589,297,025	17,312,091,592
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.20	15,548,319,624	20,090,242,606
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp DV	20		(5,959,022,599)	(2,778,151,014)
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.21	1,945,209	4,810,326
7. Chi phí tài chính	22	VI.22	234,337,033	107,011,362
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		234,337,033	107,011,362
8. Chi phí bán hàng	24	VI.23	2,135,018,817	2,626,686,044
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.24	2,441,900,588	2,911,219,641
10 Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(10,768,333,828)	(8,418,257,735)
11 Thu nhập khác	31		4,744,280,298	709,888,681
12 Chi phí khác	32		1,962,106,751	182,788,934
13 Lợi nhuận khác	40		2,782,173,547	527,099,747
14 Tổng lợi nhuận kế toán tr- ớc thuế	50		(7,986,160,281)	(7,891,157,988)
15 Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		-	
16 Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		(1,756,955,262)	(1,972,789,497)
17 Lợi nhuận sau thuế thu nhập DN	60		(6,229,205,019)	(5,918,368,491)
18 Lãi cơ bản trên cổ phiếu		VI.25	(1,971.27)	(1,872.9)

Hà Tĩnh, ngày 15 tháng 01 năm 2015

Ng- ời lập biểu

Kế toán tr- ờng

Giám đốc

Trần Thị Nga

Nguyễn Đức Dũng

Hoàng Đại Lợi

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN MANGANĐịa chỉ: Xóm 15 - Xã Phú Lộc - Huyện Can Lộc - Tỉnh Hà Tĩnh
Tel: 0392 213 526 - Fax: 0393 564 168**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính

Kết thúc ngày 31/12/2014

BÁO CÁO L- U CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo ph-ong pháp trực tiếp)

Năm 2014

Đơn vị tính: *Đồng*

Chỉ tiêu	Mã số	Năm nay	Năm tr- ớc
1	2	3	4
I. L- u chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Tiền thu bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	15,986,497,902	22,717,903,700
2. Tiền chi trả cho ng- ời cung cấp hàng hóa, dịch vụ	02	(4,985,648,452)	(6,076,495,528)
3. Tiền chi trả cho ng- ời lao động	03	(3,211,104,000)	(5,246,754,000)
4. Tiền chi trả lãi vay	04	(234,337,033)	(107,011,362)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05		
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	738,828,684	336,043,455
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(6,751,135,506)	(9,484,595,921)
L- u chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	1,543,101,595	2,139,090,344
II. L- u chuyển tiền từ hoạt động đầu t-			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		
2. Tiền thu từ thanh lý, nh- ợng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		
5. Tiền chi đầu t- góp vốn vào đơn vị khác	25		
6. Tiền thu hồi đầu t- góp vốn vào đơn vị khác	26		
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận đ- ợc chia	27	1,945,209	4,810,326
L- u chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu t-	30	1,945,209	4,810,326
III. L- u chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		
2. Tiền chi trả vốn góp cho các CSH, mua lại CP của DN đã phát hành	32		
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận đ- ợc	33	6,897,517,624	2,415,408,434
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(8,168,239,950)	(5,034,656,874)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		
L- u chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(1,270,722,326)	(2,619,248,440)
L- u chuyển tiền thuần trong kỳ	50	274,324,478	(475,347,770)
Tiền và t- ợng đ- ợng tiền đầu kỳ	60	65,577,833	540,925,603
ảnh h- ợng của thay đổi tỷ giá quy đổi ngoại tệ	61		-
Tiền và t- ợng đ- ợng tiền cuối kỳ	70	339,902,311	65,577,833

Hà Tĩnh, ngày 15 tháng 01 năm 2015

Ng- ời lập biểu

Kế toán tr- ợng

Giám đốc

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**Năm 2014****I. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp****1. Hình thức sở hữu vốn:**

Công ty Cổ phần khoáng sản Mangan, gọi tắt là " Công ty", tiền thân là Xí nghiệp Mangan trực thuộc Tổng Công ty Khoáng sản và th-ơng mại Hà Tĩnh. Từ ngày 06/12/2005 Xí nghiệp khoáng sản Mangan đ-ợc chuyển thành Công ty cổ phần khoáng sản Mangan theo quyết định 1299/QĐ-UB-DN của UBND Tỉnh Hà Tĩnh và hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty cổ phần mã số doanh nghiệp số 3000376142 do sở kế hoạch và đ-ầu t-ĩnh Hà Tĩnh cấp lần đầu ngày 26/03/2006 thay đổi lần thứ 2 ngày 30/07/2010, đăng ký thay đổi lần thứ 3 ngày 17/05/2013, đăng ký thay đổi lần thứ 4 ngày 29 tháng 12 năm 2014. Theo đó:

Vốn điều lệ đăng ký của Công ty là: 31.600.000.000 đồng

(Bằng chữ: Ba m-oi một tỷ, sáu trăm triệu đồng chẵn./.)

Trong đó

<i>Tên cổ đông sáng lập</i>	<i>Vốn góp (VND)</i>	<i>Tỷ lệ(%)</i>
Tổng công ty Khoáng sản và Th-ơng mại Hà Tĩnh	16,100,000,000	50.95%
Các cổ đông khác	15,500,000,000	49.05%
Cộng	31,600,000,000	100%

Mệnh giá cổ phần: 10.000 đồng

Công ty có trụ sở tại: Xóm 10, thị trấn Đức Thọ, huyện Đức Thọ, Tỉnh Hà Tĩnh

2. Lĩnh vực và ngành nghề kinh doanh

- Khai thác, chế biến, thu mua quặng Mangan;
- Kinh doanh mua, bán, chế biến sâu các loại sản phẩm từ quặng Mangan và sản phẩm đi kèm quặng Mangan, quặng Đolômit, quặng sắt và phụ gia cho luyện thép;
- Sửa chữa, bảo d-ỡng, trung tu, đại tu các loại ph-ơng tiện vận tải đ-ờng bộ;
- Chăn nuôi trâu, bò;
- Sản xuất phân bón và hợp chất ni tơ;
- Bán buôn phân bón;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng.

II. Niên độ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

1. Niên độ kế toán: Bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 năm D-ơng lịch.
2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi sổ kế toán: Đồng Việt Nam (đ).

III. Chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán áp dụng

1. Chế độ kế toán áp dụng: Công ty áp dụng Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam ban hành kèm theo Quyết định số 15/2006 QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ Tài chính và các Thông t- bổ sung, sửa đổi kèm theo.
2. Tuyên bố tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán:

Chúng tôi, Công ty Cổ phần Khoáng sản Mangan, tuyên bố tuân thủ các Chuẩn mực Kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành; phù hợp với đặc điểm hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

3. Hình thức kế toán áp dụng:
Công ty áp dụng hình thức Nhật ký chung trên máy vi tính

IV. Các chính sách kế toán áp dụng

1. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản t-ong đ-ong tiền

1.1. Nguyên tắc xác định các khoản t-ong đ-ong tiền:

Tiền và các khoản t-ong đ-ong tiền bao gồm: các khoản tiền mặt tại quỹ, các khoản đầu t- ngân hạn, hoặc các khoản đầu t- có tính thanh khoản cao. Các khoản thanh khoản cao là các khoản có khả năng chuyển đổi thành các khoản tiền xác định và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị của các khoản này.

1.2. Nguyên tắc và ph-ong pháp chuyển đổi các đồng tiền khác ra đồng tiền sử dụng trong kế toán:

- + Tất cả các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ đều đ-ợc qui đổi sang Đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế. Chênh lệch tỷ giá của các nghiệp vụ phát sinh trong kỳ đ-ợc phản ánh vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.
- + Tài sản là tiền và công nợ có gốc ngoại tệ cuối kỳ đ-ợc chuyển đổi sang Đồng Việt Nam theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà n-ớc Việt Nam công bố tại ngày lập Báo cáo tài chính.

2. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

2.1. Nguyên tắc đánh giá hàng tồn kho và ph-ong pháp xác định giá trị hàng tồn kho cuối kỳ:

- * Hàng tồn kho đ-ợc xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm: Chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có đ-ợc hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Những chi phí không đ-ợc tính và giá gốc hàng tồn kho:

- Các khoản chiết khấu th-ong mại và giảm giá hàng mua do hàng mua không đúng quy cách, phẩm chất.
- Chi phí nguyên vật liệu, chi phí nhân công và các chi phí sản xuất, kinh doanh khác phát sinh trên mức bình th-ờng.
- Chi phí bảo quản hàng tồn kho trừ các chi phí bảo quản hàng tồn kho cần thiết cho quá trình sản xuất tiếp theo và chi phí bảo quản hàng tồn kho phát sinh trong quá trình mua hàng.
- Chi phí bán hàng.
- Chi phí quản lý doanh nghiệp.

2.2. Ph-ong pháp xác định giá trị hàng tồn kho cuối kỳ: Giá trị hàng tồn kho cuối kỳ = Giá trị hàng tồn đầu kỳ + Giá trị hàng nhập trong kỳ - Giá trị hàng xuất trong kỳ. (Ph-ong pháp tính giá hàng xuất kho theo ph-ong pháp Bình quân gia quyền).

2.3. Ph-ong pháp hạch toán tổng hợp hàng tồn kho: Theo ph-ong pháp Kê khai th-ờng xuyên.

3. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao TSCĐ

3.1 Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình, vô hình và thuê tài chính

- Tài sản cố định của Công ty ghi chép ban đầu theo nguyên giá. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định đ-ợc hạch toán theo 03 chỉ tiêu: Nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.
- Nguyên giá của tài sản cố định đ-ợc xác định là toàn bộ chi phí mà đơn vị đã bỏ ra để có đ-ợc tài sản đó tính đến thời điểm đ- a tài sản vào vị trí sẵn sàng sử dụng.

3.2 Ph-ong pháp khấu hao TSCĐ

Tài sản cố định đ-ợc khấu hao căn cứ theo thời gian sử dụng - ớc tính và giá trị phải khấu hao theo ph-ơng pháp đ-ờng thẳng. Thời gian khấu hao đ-ợc tính theo quy định tại Thông t- số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 04 năm 2013 của Bộ Tài chính. Thời gian khấu hao cụ thể nh- sau:

Loại tài sản	Thời gian KH
Nhà cửa, vật kiến trúc	25 - 50 năm
Máy móc thiết bị	08 - 10 năm
Ph-ơng tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 10 năm
Thiết bị quản lý	03 - 08 năm

4. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu t- tài chính

4.1 Các khoản đầu t- tài chính ngắn hạn của Công ty bao gồm các khoản cho vay có thời hạn thu hồi đ-ới 01 năm đ-ợc ghi nhận theo giá gốc bắt đầu từ ngày cho vay.

4.2 Các khoản đầu t- tài chính dài hạn: các khoản đầu t- tại thời điểm lập báo cáo nếu có thời hạn thu hồi vốn trên 1 năm hoặc hơn 1 chu kỳ kinh doanh đ-ợc phân loại là tài sản dài hạn

5. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí đi vay

Chính sách kế toán áp dụng cho chi phí đi vay Công ty thực hiện theo Chuẩn mực Kế toán số 16 về Chi phí đi vay, cụ thể:

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu t- xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang đ-ợc tính vào giá trị của tài sản đó (đ-ợc vốn hoá), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay.

Việc vốn hoá chi phí đi vay sẽ đ-ợc tạm ngừng lại trong các giai đoạn mà quá trình đầu t- xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang bị gián đoạn, trừ khi sự gián đoạn đó là cần thiết.

Việc vốn hoá chi phí đi vay sẽ chấm dứt khi các hoạt động chủ yếu cần thiết cho việc chuẩn bị đ- a tài sản dở dang vào sử dụng hoặc bán đã hoàn thành. Chi phí đi vay phát sinh sau đó sẽ đ-ợc ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh.

Các khoản thu nhập phát sinh do đầu t- tạm thời các khoản vay riêng biệt trong khi chờ sử dụng vào mục đích có đ-ợc tài sản dở dang thì phải ghi giảm trừ (-) vào chi phí đi vay phát sinh khi vốn hoá.

Chi phí đi vay đ-ợc vốn hoá trong kỳ không đ-ợc v- ợt quá tổng số chi phí đi vay phát sinh trong kỳ. Các khoản lãi tiền vay và khoản phân bổ chiết khấu hoặc phụ trội đ-ợc vốn hoá trong từng kỳ không đ-ợc v- ợt quá số lãi vay thực tế phát sinh và số phân bổ chiết khấu hoặc phụ trội trong kỳ đó.

6. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí khác

- Các chi phí trả tr- ớc chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh năm tài chính hiện tại đ-ợc ghi nhận là chi phí trả tr- ớc ngắn hạn.
- Các chi phí sau đây đã phát sinh trong năm tài chính nh- ng đ-ợc hạch toán vào chi phí trả tr- ớc dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh:
 - Công cụ dụng cụ xuất dùng có giá trị lớn;
 - Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định phát sinh một lần quá lớn.

7. Ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế ch- a phát sinh nh- ng đ-ợc trích tr- ớc vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí t- ơng ứng với phần chênh lệch.

8. Nguồn vốn chủ sở hữu:

- Vốn chủ sở hữu đ- ọc ghi nhận theo số vốn thực tế từ các chủ sở hữu góp vốn.
- Thặng d- vốn cổ phần đ- ọc ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu.
- Nguyên tắc trích lập các quỹ từ lợi nhuận sau thuế: Việc trích lập các quỹ từ lợi nhuận sau thuế đ- ọc thực hiện theo điều lệ của Công ty và Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông của Công ty.

9. Nguyên tắc và ph- ơng pháp ghi nhận doanh thu

Nguyên tắc ghi nhận Doanh thu bán hàng, doanh thu cung cấp dịch vụ và doanh thu hoạt động tài chính thực hiện theo Chuẩn mực kế toán số 14 - Doanh thu và thu nhập khác. Doanh thu trong năm 2014 của Công ty bao gồm: doanh thu bán hàng hoá, doanh thu bán thành phẩm, doanh thu bán vật t-, doanh thu cung cấp dịch vụ, doanh thu khác và doanh thu hoạt động tài chính.

- Doanh thu bán hàng đ- ọc ghi nhận khi đồng thời đ- ọc thỏa mãn các điều kiện sau:

Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã đ- ọc chuyển giao cho ng- ời mua;

Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa nh- ng- ời sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;

Doanh thu đ- ọc xác định t- ơng đối chắc chắn;

Công ty đã thu đ- ọc hoặc sẽ thu đ- ọc lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;

Xác định đ- ọc chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng;

- Doanh thu cung cấp dịch vụ

Đ- ọc ghi nhận khi kết quả giao dịch đó đ- ọc xác định một cách đáng tin cậy.

Doanh thu đ- ọc xác định t- ơng đối chắc chắn;

Có khả năng thu đ- ọc lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;

Xác định đ- ọc chi phí liên quan đến giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ bán hàng;

- Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận đ- ọc chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác đ- ọc ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu đ- ọc lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;

- Doanh thu đ- ọc xác định t- ơng đối chắc chắn

10. Nguyên tắc và ph- ơng pháp ghi nhận chi phí tài chính

Chi phí tài chính đ- ọc ghi nhận toàn bộ trên Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh là tổng chi phí tài chính không đ- ọc vốn hoá phát sinh và không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

11. Nguyên tắc và ph- ơng pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành đ- ọc xác định trên cơ sở tổng thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm hiện hành.

12. Các nguyên tắc và ph- ơng pháp kế toán khác**12.1 Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu th- ơng mại và phải thu khác:**

Nguyên tắc ghi nhận: Các khoản phải thu khách hàng, khoản trả tr- ớc cho ng- ời bán, phải thu nội bộ, và các khoản phải thu khác tại thời điểm báo cáo, nếu:

- * Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán d- ới 01 năm (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) đ- ọc phân loại là Tài sản ngắn hạn.
- * Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán trên 01 năm (hoặc trên một chu kỳ sản xuất kinh doanh) đ- ọc phân loại là Tài sản dài hạn;

12.2 Ghi nhận các khoản phải trả th-ong mại và phải trả khác

Các khoản phải trả ng-ời bán, phải trả nội bộ, phải trả khác tại thời điểm báo cáo, nếu:

- * Có thời hạn thanh toán d-ới 01 năm hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh đ-ợc phân loại là nợ ngắn hạn.
 - * Có thời hạn thanh toán trên 01 năm hoặc trên một chu kỳ sản xuất kinh doanh đ-ợc phân loại là nợ dài hạn.
Tài sản thiếu chờ xử lý đ-ợc phân loại là nợ ngắn hạn.
- Thuế thu nhập hoãn lại đ-ợc phân loại là nợ dài hạn.

12.3 Các nghĩa vụ về thuế:

- * Công ty Cổ phần khoáng sản Mangan thực hiện kê khai và nộp thuế giá trị gia tăng và thuế thu nhập doanh nghiệp tại Cục thuế Tỉnh Hà Tĩnh, hàng tháng có lập tờ khai thuế theo đúng qui định.
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành đ-ợc xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp năm hiện hành.
- * Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại đ-ợc xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời đ-ợc khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp. Không bù trừ thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành với chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại.
Các loại thuế khác đ-ợc công ty kê khai nộp thuế theo đúng quy định hiện hành của nhà n-ớc.
- * Các loại thuế khác thực hiện theo qui định hiện hành.

13. Công cụ tài chính*Ghi nhận ban đầu*

Tài sản tài chính đ-ợc ghi nhận theo giá gốc cộng với các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản t-ong đ-ong tiền, phải thu khách hàng và phải thu khác, đầu t- tài chính và các khoản ký quỹ.

Nợ phải trả tài chính đ-ợc ghi nhận theo giá gốc, nợ phải trả tài chính bao gồm phải trả ng-ời bán và phải trả khác, chi phí phải trả và các khoản vay.

Đánh giá lại sau ghi nhận ban đầu

Ngoại trừ phải thu khách hàng và phải thu khác đ-ợc đánh giá lại khi có khả năng giảm giá d-ới hình thức dự phòng phải thu khó đòi và các khoản đầu t- tài chính đ-ợc đánh giá lại khi có khả năng giảm giá d-ới hình thức dự phòng giảm giá các khoản đầu t-, thì hiện tại ch-a có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

14. Bên liên quan

Các bên đ-ợc coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh h-ởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra các quyết định chính sách tài chính và hoạt động.

V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trên Bảng cân đối kế toán (ĐVT: đ)

1. Tiền	Số cuối năm	Số đầu năm
- Tiền mặt	71,179,477	273,153
- Tiền gửi Ngân hàng	268,722,834	65,304,680
- Tiền gửi Việt Nam đồng	268,722,834	65,304,680
Ngân hàng Ngoại Th-ong	237,679,490	2,542,840
Ngân hàng đầu t- phát triển	31,043,344	62,761,840
Cộng	339,902,311	65,577,833

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN MANGAN

Địa chỉ: Xóm 15 - Xã Phú Lộc - Huyện Can Lộc - Tỉnh Hà Tĩnh
Tel: 0392 213 526 - Fax: 0393 564 168

Thuyết minh Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính

Kết thúc ngày 31/12/2014

2. Phải thu khách hàng	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty CP Hợp kim sắt - Gang thép TN	873,176,000	1,281,420,000
Công ty HH khoáng nghiệp hoàn liên Khâm Châu QT	97,268,345	97,268,345
Công ty Liên Hợp Kim	805,113	805,113
Công ty TNHH SX&KD Thép Vạn Lợi	405,427,000	405,427,000
Công ty TNHH sản xuất &TM Mỹ Hà	243,000	
Công ty TNHH xuất nhập khẩu vật t- Nhuận H- ng	68,140	
Cộng	1,376,987,598	1,784,920,458
3. Trả tr- ớc cho ng- ời bán	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty CP đầu t- môi tr- ờng Thạch Hà		25,000,000
Cộng	-	25,000,000
4. Các khoản phải thu khác	Số cuối năm	Số đầu năm
Bảo hiểm xã hội Can Lộc - Hà Tĩnh		5,884,200
Công đoàn Cty CP KS Mangan		148,650,000
Mai Khắc C- ờng		1,024,000
Nguyễn Thị Hà		1,870,000
Nguyễn Văn Đông		1,024,000
Phan Xuân Trung		4,400,000
Phạm Xuân Lộc		6,429,000
Tr- ờng Quang Trung	624,000	586,000
Trần Hậu Giáp		4,263,000
Đặng Văn Luận		1,684,000
Trần Đình Th- ợng	927,000	870,000
Nguyễn Sỹ Quang Thắng	2,280,000	
Phan Khắc Đức	2,448,000	
Phạm Viết Châu	1,605,000	
Cộng	7,884,000	176,684,200
5. Dự phòng phải thu khó đòi	Số cuối năm	Số đầu năm
Trần Huy Hồng	3,500,000	3,500,000
Công ty HH khoáng nghiệp hoàn liên Khâm Châu QT	97,268,345	97,268,345
Công ty TNHH SX&KD Thép Vạn Lợi	405,427,000	405,427,000
Cộng	506,195,346	506,195,346
6. Hàng tồn kho	Số cuối năm	Số đầu năm
Nguyên liệu, vật liệu	2,157,805,961	2,418,481,768
Công cụ, dụng cụ	33,083,077	69,349,798

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính)

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN MANGAN

Địa chỉ: Xóm 15 - Xã Phú Lộc - Huyện Can Lộc - Tỉnh Hà Tĩnh
Tel: 0392 213 526 - Fax: 0393 564 168

Thuyết minh Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính

Kết thúc ngày 31/12/2014

Thành phẩm	20,155,375,463	25,715,415,824
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(1,503,884,340)	
Cộng	20,842,380,161	28,203,247,390
7. Tài sản ngắn hạn khác	Số cuối năm	Số đầu năm
Tạm ứng	3,500,000	53,370,000
Tài sản thiếu chờ xử lý		1,012,048,222
Cộng	3,500,000	1,065,418,222
8. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình (Phụ lục 01)		
9. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình		
Chỉ tiêu	Quyền sử dụng đất	Cộng
Nguyên giá		
1. Số d- đầu năm	431,599,581	431,599,581
2. Số tăng trong năm	-	-
- Mua trong năm	-	-
- Tặng khác	-	-
3. Số giảm trong năm	-	-
- Thanh lý, nh- ợng bán	-	-
- Giảm khác	-	-
4. Số d- cuối năm	431,599,581	431,599,581
Giá trị hao mòn lũy kế		
1. Số d- đầu năm	91,714,932	91,714,932
2. Số tăng trong năm	21,579,984	21,579,984
- Khấu hao trong năm	21,579,984	21,579,984
- Tặng khác	-	-
3. Số giảm trong năm	-	-
- Thanh lý, nh- ợng bán	-	-
- Giảm khác	-	-
4. Số d- cuối năm	113,294,916	113,294,916
Giá trị còn lại		
1. Tại ngày đầu năm	339,884,649	339,884,649
2. Tại ngày cuối năm	318,304,665	318,304,665
10. Chi phí trả tr- ớc dài hạn	Số cuối năm	Số đầu năm
CCDC, chi phí trả tr- ớc chờ phân bổ	503,512,720	921,345,597
Cộng	503,512,720	921,345,597
11. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	Số cuối năm	Số đầu năm
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản lỗ tính thuế ch- a sử dụng	5,050,730,925	3,293,775,663
	5,050,730,925	3,293,775,663

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính)

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN MANGAN

Địa chỉ: Xóm 15 - Xã Phú Lộc - Huyện Can Lộc - Tỉnh Hà Tĩnh
Tel: 0392 213 526 - Fax: 0393 564 168

Thuyết minh Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính
Kết thúc ngày 31/12/2014

12. Vay và nợ ngắn hạn	Số cuối năm	Số đầu năm
Vay ngắn hạn (VNĐ)	6,671,307,835	6,002,927,158
Ngân hàng TMCP Ngoại th- ong	2,372,591,371	1,704,210,694
Tổng Công ty Khoáng sản và Th- ong mại Hà Tĩnh	4,298,716,464	4,298,716,464
Cộng	6,671,307,835	6,002,927,158

Hợp đồng tín dụng số HĐ 14/2053/VCB.Hti ngày 27 tháng 11 năm 2014. Số tiền vay 964.300.301 đồng với lãi suất 9,36%/năm cố định trong thời hạn hiệu lực của hợp đồng tín dụng. Thời hạn vay là 9 tháng kể từ ngày hợp đồng này có hiệu lực. Mục đích sử dụng: Bổ sung vốn l- u động sản xuất kinh doanh quặng Mangan.

Hợp đồng tín dụng số HĐ 14/4038/VCB.Hti ngày 26 tháng 06 năm 2014. Số tiền vay 951.291.000 đồng với lãi suất 9,82%/năm cố định trong thời hạn hiệu lực của hợp đồng tín dụng. Thời hạn vay là 9 tháng kể từ ngày hợp đồng này có hiệu lực. Mục đích sử dụng: Thanh toán các chi phí phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh.

Hợp đồng tín dụng số 14/4031/VCB.Hti ngày 28 tháng 05 năm 2014. Số tiền vay 992.000.000 đồng với lãi suất 9,84%/năm cố định trong thời hạn hiệu lực của hợp đồng tín dụng. Thời hạn vay là 9 tháng kể từ ngày hợp đồng này có hiệu lực. Mục đích sử dụng: Thanh toán các chi phí phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh.

13. Phải trả ng- ời bán	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty CP Cảng Vũng áng Việt - Lào	490,657,178	295,358,778
Công ty cổ phần th- ong mại MITRACO	276,782,266	350,526,793
Công ty TNHH Dũng Long	57,660,002	57,660,002
Công ty TNHH MTV ấn phẩm	936,000	936,000
Tổng công ty khoáng sản và th- ong mại Hà Tĩnh	238,456,190	195,516,890
Công ty TNHH Kiểm toán Quốc gia VIA	30,000,000	
Bùi Trung Kiên		200,267,600
Công ty CP giám định ASIACONTROL Hà Tĩnh		12,000,000
Công ty CP XL TM tổng hợp Lam Hồng		304,000,000
Công ty CP xăng dầu dầu khí Vũng áng		46,476,800
Công ty cổ phần May Hà Tĩnh		72,180,000
Công ty cổ phần tập đoàn Hoàn Sơn		188,721,000
Công ty TNHH Kiểm toán & kế toán Hà Nội		16,500,000
Công ty TNHH Quốc Toàn		23,578,434
Công ty TNHH th- ong mại vận tải Bình Nguyên		590,500
Công ty TNHH TM&DV vận tải Việt Hải		13,549,900
Nguyễn Thị Hoà		30,740,000
Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất Hà Tĩnh		39,233,000
Cộng	1,094,491,636	1,847,835,697

14. Thuế và các khoản phải nộp nhà n- ớc	Số cuối năm	Số đầu năm
Thuế GTGT phải nộp	424,288,686	427,799,763

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính)

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN MANGAN

Địa chỉ: Xóm 15 - Xã Phú Lộc - Huyện Can Lộc - Tỉnh Hà Tĩnh
Tel: 0392 213 526 - Fax: 0393 564 168

Thuyết minh Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính
Kết thúc ngày 31/12/2014

Thuế Thu nhập cá nhân		6,540,000
Thuế tài nguyên		451,474,768
Thuế nhà đất và tiền thuê đất	14,225,800	180,285,800
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	272,913,767	546,594,096
Cộng	711,428,253	1,612,694,427
15. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	Số cuối năm	Số đầu năm
Kinh phí công đoàn phải nộp	137,609,319	140,373,319
Bảo hiểm xã hội	109,657,742	571,287,164
Bảo hiểm y tế	4,966,621	144,135,047
Bảo hiểm thất nghiệp	1,652,170	68,113,553
Các khoản phải trả khác	118,833,000	88,260,000
Cộng	372,718,852	1,012,169,083
16. Tăng, giảm vốn chủ sở hữu (Phụ lục 02)		
B. Chi tiết vốn đầu t- của chủ sở hữu	Năm nay	Năm tr- ớc
- Tổng Công ty Khoáng sản và Th- ơng mại Hà Tĩnh	16,100,000,000	16,100,000,000
- Các cổ đông khác	15,500,000,000	15,500,000,000
Cộng	31,600,000,000	31,600,000,000
C. Các giao dịch về vốn với chủ sở hữu:	Năm nay	Năm tr- ớc
Vốn đầu t- của chủ sở hữu		
Vốn góp đầu năm	31,600,000,000	31,600,000,000
Vốn góp tăng trong năm		
Vốn góp giảm trong năm		-
Vốn góp cuối năm	31,600,000,000	31,600,000,000
D. Cổ phiếu	Số cuối năm	Số đầu năm
- Số l- ợng cổ phiếu đăng ký phát hành	3,160,000	3,160,000
- Số l- ợng cổ phiếu bán ra công chúng	3,160,000	3,160,000
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>3,160,000</i>	<i>3,160,000</i>
+ <i>Cổ phiếu - u đ- ời</i>	-	-
- Số l- ợng cổ phiếu đ- ợc mua lại	-	-
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>		
+ <i>Cổ phiếu - u đ- ời</i>		
- Số l- ợng cổ phiếu đang l- u hành	3,160,000	3,160,000
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>3,160,000</i>	<i>3,160,000</i>
+ <i>Cổ phiếu - u đ- ời</i>	-	-
- Số l- ợng cổ phiếu l- u hành bình quân	31,600,000	31,600,000
* Mệnh giá cổ phiếu đang l- u hành:	10.000 VND/ 1 Cổ phiếu	
E Các quỹ của doanh nghiệp	Số cuối năm	Số đầu năm
Quỹ đầu t- phát triển	2,534,877,946	2,534,877,946
Quỹ dự phòng tài chính		

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính)

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN MANGAN

Địa chỉ: Xóm 15 - Xã Phú Lộc - Huyện Can Lộc - Tỉnh Hà Tĩnh
Tel: 0392 213 526 - Fax: 0393 564 168

Thuyết minh Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính
Kết thúc ngày 31/12/2014

Tổng cộng	2,534,877,946	2,534,877,946
VI. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trên Báo cáo kết quả KD (ĐVT: VND)		
17. Tổng Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	Năm nay	Năm tr- ớc
Doanh thu bán thành phẩm	10,708,191,672	18,718,291,479
Cộng	10,708,191,672	18,718,291,479
Các khoản giảm trừ doanh thu		
Thuế xuất khẩu	1,118,894,647	1,406,199,887
	1,118,894,647	1,406,199,887
18. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp DV	9,589,297,025	17,312,091,592
19. Giá vốn hàng bán	Năm nay	Năm tr- ớc
Giá vốn của thành phẩm đã bán	14,044,435,284	20,090,242,606
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	1,503,884,340	
Cộng	15,548,319,624	20,090,242,606
20. Doanh thu hoạt động tài chính	Năm nay	Năm tr- ớc
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	1,945,209	4,810,326
Cộng	1,945,209	4,810,326
21. Chi phí hoạt động tài chính	Năm nay	Năm tr- ớc
Lãi tiền vay	234,337,033	107,011,362
Cộng	234,337,033	107,011,362
22. Chi phí bán hàng	Năm nay	Năm tr- ớc
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2,066,968,817	2,576,086,226
Chi phí bằng tiền khác	68,050,000	50,599,818
Cộng	2,135,018,817	2,626,686,044
23. Chi phí quản lý doanh nghiệp	Năm nay	Năm tr- ớc
Chi phí nhân viên quản lý	1,076,872,000	1,430,486,670
Chi phí đồ dùng VP	14,509,229	33,721,510
Chi phí khấu hao TSCĐ	165,883,318	213,387,275
Thuế, phí, lệ phí	68,596,442	33,281,818
Chi phí lập dự phòng	224,532,000	48,634,173
Chi phí dịch vụ mua ngoài	214,982,011	206,207,500
Chi phí bằng tiền khác	676,525,588	945,500,695
Cộng	2,441,900,588	2,911,219,641
24. Chi phí SXKD theo yếu tố	Năm nay	Năm tr- ớc
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	986,406,644	776,474,862
Chi phí công cụ, đồ dùng	33,371,345	57,015,819
Chi phí nhân công	1,342,744,000	1,986,048,976

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính)

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN MANGAN

Địa chỉ: Xóm 15 - Xã Phú Lộc - Huyện Can Lộc - Tỉnh Hà Tĩnh
Tel: 0392 213 526 - Fax: 0393 564 168

Thuyết minh Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính

Kết thúc ngày 31/12/2014

Chi phí khấu hao TSCĐ	686,915,793	1,502,082,462
Chi phí dịch vụ mua ngoài	937,629,307	1,390,370,244
Chi phí bằng tiền khác	1,212,800,752	2,628,245,990
Tổng cộng	5,199,867,841	8,340,238,353

25. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm nay	Năm tr- ớc
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	(6,229,205,019)	(5,918,368,491)
Lợi nhuận hoặc phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu PT		
Cổ phiếu phổ thông l- u hành bình quân trong kỳ	3,160,000	3,160,000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	(1,971.27)	(1,872.90)

VII. THÔNG TIN KHÁC**1 Công cụ tài chính**

Ngày 06 tháng 11 năm 2009, Bộ tài chính ban hành Thông t- số 210/2009/TT-BTC (" Thông t- 210") h- ớng dẫn áp dụng Chuẩn mực kế toán quốc tế về trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với các công cụ tài chính. Việc áp dụng Thông t- 210 sẽ yêu cầu trình bày các thông tin cũng nh- ảnh h- ớng của việc trình bày này đối với một số công cụ tài chính nhất định trong báo cáo tài chính. Thông t- này có hiệu lực cho năm tài chính kết thúc vào hoặc sau ngày 31 tháng 12 năm 2011. Tuy nhiên cho đến nay ch- a có h- ớng dẫn cụ thể từ Bộ tài chính cho việc áp dụng các quy định trong Thông t- 210, do đó các công cụ tài chính trong báo cáo tài chính kỳ này ngoại trừ phải thu khách hàng và phải thu khác vẫn đ- ợc trình bày theo giá gốc.

Các công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ			
	Cuối năm		Đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản t- ơng đ- ơng tiền	339,902,311		65,577,833	
Phải thu khách hàng và phải thu khác	1,384,871,598		1,961,604,658	(506,195,346)
	1,724,773,909		2,027,182,491	(506,195,346)

	Giá trị ghi sổ	
	Cuối năm	Đầu năm
	Nợ phải trả tài chính	
Vay và nợ ngắn hạn	6,671,307,835	6,002,927,158
Phải trả ng- ời bán và phải trả khác	1,467,210,488	2,860,004,780
	8,138,518,323	8,862,931,938

Công ty ch- a đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính tại ngày kết thúc niên độ ngoại trừ tiền và các khoản t- ơng đ- ơng tiền, phải thu khách hàng và phải thu khác do Thông t- 210 cũng nh- các quy định hiện hành ch- a có h- ớng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các công cụ tài chính. Thông t- 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nh- ng không đ- a ra h- ớng dẫn t- ơng đ- ơng cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả việc áp dụng giá trị hợp lý nhằm phù hợp với Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế.

Quản lý rủi ro tài chính

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải gánh chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức thấp chấp nhận đ-ợc. Hệ thống quản lý rủi ro đ-ợc xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị tr-ờng và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị tr-ờng (gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro thị tr-ờng

Rủi ro thị tr-ờng là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong t-ong lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị tr-ờng. Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái, lãi suất, giá cổ phiếu và giá sản phẩm, giá nguyên liệu.

Quản lý rủi ro tỷ giá

Rủi ro tỷ giá là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong t-ong lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Công ty quản lý rủi ro liên quan đến biến động của tỷ giá hối đoái bằng cách tối - u thời hạn thanh toán các khoản phải thu, các khoản nợ, dự báo tỷ giá ngoại tệ, lựa chọn thời điểm mua bán ngoại tệ hợp lý, phù hợp với kế hoạch sản xuất để cân bằng giữa rủi ro tỷ giá và rủi ro thanh khoản.

Quản lý rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong t-ong lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị tr-ờng.

Rủi ro lãi suất của Công ty liên quan chủ yếu tới các khoản vay có lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình để đ- ra quyết định hợp lý trong công việc chọn thời điểm vay và kỳ hạn vay thích hợp nhằm có đ-ợc lãi suất có lợi cũng nh- duy trì cơ cấu vay phù hợp.

Quản lý rủi ro giá cổ phiếu

Công ty chịu rủi ro về giá của từ các khoản đầu t- mua cổ phần đ-ợc trình bày tại khoản mục " Đầu t- dài hạn khác". Hội đồng quản trị Công ty xem xét và phê duyệt các quyết định đầu t- này và các khoản đầu t- này đ-ợc nắm giữ cho mục đích chiến l-ợc lâu dài. Công ty không có ý định bán các khoản đầu t- này trong t-ong lai gần.

Quản lý rủi ro giá bán sản phẩm, giá mua nguyên liệu

Hoạt động sản xuất kinh doanh có rủi ro về sự biến động của giá bán sản phẩm và giá mua nguyên phụ liệu, Công ty quản lý rủi ro này bằng cách theo dõi chặt chẽ thông tin có liên quan của thị tr-ờng đầu ra và thị tr-ờng đầu ra nhằm quản lý thời điểm mua hàng, kế hoạch sản xuất và mức tồn kho một cách hợp lý.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng đ-ợc các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính của Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp nhằm đảm bảo sự cân đối hợp lý giữa rủi ro và lợi nhuận có thể thu từ khách hàng đ-ợc cấp tín dụng. Công ty th-ờng xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng quá mức hay không.

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty không đảm bảo đ-ợc nguồn vốn cần thiết khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong t-ong lai. Rủi ro thanh khoản chủ yếu phát sinh từ việc tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau. Chính sách của Công ty là theo dõi th-ờng xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong t-ong lai gần nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và vốn mà các cổ đông cam kết góp. Thời hạn thanh toán của các tài sản tài chính và các khoản nợ phải trả tài chính phi phái sinh dựa trên thời hạn thanh toán theo hợp đồng và ch- a đ-ợc chiết khấu

2. Thông tin về các bên liên quan

Trong quá trình hoạt động kinh doanh, Công ty phát sinh các nghiệp vụ với các bên liên quan:

a) Bên liên quan	Quan hệ		
Tổng công ty khoáng sản và th-ong mại Hà Tĩnh	Công ty mẹ		
b) Các giao dịch với bên liên quan	Giao dịch	Năm nay	Năm tr- ớc
Tổng công ty khoáng sản và th-ong mại Hà Tĩnh	Thanh lý TS đối trừ công nợ	650,000,000	
	Vận chuyển bốc xếp; đối trừ công nợ	485,502,595	
	Mua CCDC phục vụ sản xuất	55,000,000	
	Công ty TNHH Đầu t- XD và PT Hạ Tầng MITRACO	Chi phí thuê máy xúc đào	48,400,000
Công ty cổ phần th-ong mại MITRACO - 01CTTM	Nhập mua nhiên liệu Diezen	1,381,229,373	
Công ty CP Cảng Vũng áng Việt - Lào	Chi phí xếp dỡ, l- u kho, bãi, qua cân.	288,928,750	
c) Số d- với bên liên quan	Số d-	Năm nay	Năm tr- ớc
Tổng công ty Khoáng sản và th-ong mại Hà Tĩnh	Vay ngắn hạn	4,298,716,464	4,298,716,464
Tổng công ty Khoáng sản và th-ong mại Hà Tĩnh	Phải trả ng- ời bán	238,456,190	195,516,890
Tổng công ty Khoáng sản và th-ong mại Hà Tĩnh	Ng- ời mua trả tiền tr- ớc	893,617,405	1,859,120,000
Tổng công ty Khoáng sản và th-ong mại Hà Tĩnh	Góp vốn	16,100,000,000	16,100,000,000
Công ty CP Cảng Vũng áng Việt - Lào	Phải trả ng- ời bán	490,657,178	295,358,778
Công ty cổ phần th-ong mại MITRACO	Phải trả ng- ời bán	276,782,266	350,526,793

3. Thông tin so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 của Công ty đã đ- ợc kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán Quốc Gia VIA.

4. Thông tin về hoạt động liên tục

Ban Giám đốc khẳng định rằng, Công ty sẽ tiếp tục hoạt động trong năm tài chính tiếp theo.

5. Những thông tin khác

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN MANGAN

Địa chỉ: Xóm 15 - Xã Phú Lộc - Huyện Can Lộc - Tỉnh Hà Tĩnh

Tel: 0392 213 526 - Fax: 0393 564 168

Thuyết minh Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính

Kết thúc ngày 31/12/2014

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng Luật và các quy định về thuế với việc áp dụng các quy định và Chuẩn mực kế toán cho các giao dịch tại Công ty có thể được giải thích theo cách khác nhau vì vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể thay đổi theo quyết định của Cơ quan thuế.

6. Một số chỉ tiêu tài chính cơ bản

Chỉ tiêu	Năm nay	Năm tr- ớc
1 Bố trí cơ cấu tài sản và nguồn vốn		
1.1 Bố trí cơ cấu tài sản (%)		
- Tài sản dài hạn/Tổng tài sản	32.23%	26.32%
- Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản	67.77%	73.68%
1.2 Bố trí cơ cấu nguồn vốn (%)		
- Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	31.56%	31.83%
- Nguồn vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn	68.44%	68.17%
2 Khả năng thanh toán		
2.1. Khả năng thanh toán tổng quát (lần)	3.168	3.142
2.2. Khả năng thanh toán nợ ngắn hạn (lần)	2.147	2.315
2.3. Khả năng thanh toán nhanh (lần)	0.033	0.005
3 Tỷ suất sinh lời		
3.1 Tỷ suất sinh lời trên doanh thu thuần (%)		
- Tỷ suất lợi nhuận tr- ớc thuế trên doanh thu thuần	-83.28%	-45.58%
- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên doanh thu thuần	-64.96%	-34.19%
3.2 Tỷ suất lợi nhuận trên tổng tài sản (%)		
- Tỷ suất lợi nhuận tr- ớc thuế trên tổng tài sản	-21.47%	-21.22%
- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên tổng tài sản	-16.75%	-15.91%

Hà Tĩnh , ngày 15 tháng 01 năm 2015

Ng- ời lập biểu

Kế toán tr- ởng

Giám đốc

Trần Thị Nga

Nguyễn Đức Dũng

Hoàng Đại Lợi

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN MANGAN

Địa chỉ: Xóm 15 - Xã Phú Lộc - Huyện Can Lộc - Tỉnh Hà Tĩnh

Tel: 0392 213 526 - Fax: 0393 564 168

Thuyết minh Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính

Kết thúc ngày 31/12/2014

Phụ lục số 01: Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Thiết bị văn phòng	PTVT - truyền dẫn	Cây lâu năm và súc vật cho SP	Thiết bị quản lý và TSCĐ khác	Tổng cộng
Nguyên giá tài sản cố định							
<i>Số d- đầu năm</i>	<i>6,420,234,911</i>	<i>12,036,390,620</i>		<i>5,588,492,225</i>	-	<i>481,025,723</i>	<i>24,526,143,479</i>
- Mua trong năm							-
- XDCB hoàn thành							-
- Tăng khác				11,000,000			11,000,000
- Chuyển sang BĐS đầu t-							-
- Thanh lý, nh- ợng bán	1,547,279,090	4,645,378,131		2,424,719,460		85,753,474	8,703,130,155
- Giảm khác							-
<i>Số d- cuối năm</i>	<i>4,872,955,821</i>	<i>7,391,012,489</i>	-	<i>3,174,772,765</i>	-	<i>395,272,249</i>	<i>15,834,013,324</i>
Giá trị hao mòn lũy kế							
<i>Số d- đầu năm</i>	<i>4,619,451,369</i>	<i>8,627,719,590</i>		<i>4,726,587,132</i>		<i>293,172,563</i>	<i>18,266,930,654</i>
- Khấu hao trong năm	348,313,956	587,570,944		237,652,383		40,254,252	1,213,791,535
- Tăng khác							-
- Chuyển sang BĐS đầu t-							-
- Thanh lý, nh- ợng bán	1,138,660,938	4,571,531,883		2,279,251,858		85,753,474	8,075,198,153
- Giảm khác							-
<i>Số d- cuối kỳ</i>	<i>3,829,104,387</i>	<i>4,643,758,651</i>	-	<i>2,684,987,657</i>	-	<i>247,673,341</i>	<i>11,405,524,036</i>
Giá trị còn lại của TSCĐ							
- <i>Tại ngày đầu năm</i>	<i>1,800,783,542</i>	<i>3,408,671,030</i>	-	<i>861,905,093</i>	-	<i>187,853,160</i>	<i>6,259,212,825</i>
- <i>Tại ngày cuối năm</i>	<i>1,043,851,434</i>	<i>2,747,253,838</i>	-	<i>489,785,108</i>	-	<i>147,598,908</i>	<i>4,428,489,288</i>

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính)

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN MANGAN

Địa chỉ: Xóm 15 - Xã Phú Lộc - Huyện Can Lộc - Tỉnh Hà Tĩnh
Tel: 0392 213 526 - Fax: 0393 564 168

Thuyết minh Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính
Kết thúc ngày 31/12/2014

Phụ lục số 02: Tăng, giảm vốn chủ sở hữu**A. BẢNG ĐỐI CHIẾU BIẾN ĐỘNG NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU**

Nội dung	Vốn đầu t- chủ sở hữu	Thặng d- vốn cổ phần	Quỹ đầu t- phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	LN sau thuế ch- a phân phối	Tổng cộng
1. Số d- đầu năm tr- ớc	31,600,000,000	7,037,527,899	2,534,877,946	255,690,119	(6,742,696,617)	34,685,399,347
- Tăng vốn trong năm tr- ớc						-
- Lãi trong năm tr- ớc					(5,918,368,491)	(5,918,368,491)
- Tăng khác						-
- Giảm vốn trong năm tr- ớc						-
- Lỗ trong năm tr- ớc						-
- Giảm khác				255,690,119		255,690,119
						-
2. Số d- cuối năm tr- ớc	31,600,000,000	7,037,527,899	2,534,877,946	-	(12,661,065,108)	28,511,340,737
3. Số d- đầu năm nay	31,600,000,000	7,037,527,899	2,534,877,946	-	(12,661,065,108)	28,511,340,737
- Tăng vốn trong kỳ này						-
- Lãi trong kỳ					(6,229,205,019)	(6,229,205,019)
- Tăng khác						-
- Giảm vốn trong kỳ này						-
- Lỗ trong kỳ						-
- Giảm khác						-
						-
4. Số d- cuối năm nay	31,600,000,000	7,037,527,899	2,534,877,946	-	(18,890,270,127)	22,282,135,718

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính)